BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:919 /QĐ-PAS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, Sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ các Khoa, Phòng, Trung tâm thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 04 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố

Hồ Chí Minh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Bộ Y tế Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quy trình mua sắm thuốc, hàng hóa, dịch vụ của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2903/QĐ-BYT ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt nội dung hoạt động chuyên môn thực hiện nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu chi, ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-PAS ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống sốt xuất huyết, hoạt động tiêm chủng mở rộng, hoạt động phòng chống HIV/AIDS, hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-PAS ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt điều chỉnh Dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống sốt xuất huyết, hoạt động tiêm chủng mở rộng, hoạt động phòng chống HIV/AIDS, hoạt động thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-PAS ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch, phòng chống HIV,AIDS năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 888/QĐ-PAS ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán kinh phí hoạt động phòng chống dịch năm 2026 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh (lần 3);

Căn cứ Biên bản Hội đồng mua sắm số 3726/BB-PAS ngày 22/10/2026 về việc xem xét, thông qua danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của của Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 848/QĐ-PAS ngày 23 tháng 10 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông qua danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm số 4050/BB-PAS ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng mua sắm về việc xem xét, thông qua dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 904/QĐ-PAS ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của phòng Vật tư – Thiết bị y tế tại Tờ trình số 115/TTr-VTTBYT ngày 17 tháng 11 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 với nội dung chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm.

Điều 2. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, VTTBYT.

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

VIỆN PASTEUR TP. HỒ CHÍ MINH

Đinh Xuân Thành

Phụ lục I
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: CUNG CẤP DỊCH VỤ HIỆU CHUẨN, KIỂM ĐỊNH, BẢO TRÌ CÁC TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ CHO HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC DỰ PHÒNG VÀ PHÒNG CHỐNG DỊCH THUỘC NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 919 /QĐ-PAS ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Lĩnh Vực	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026	Cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2026	Phi tư vấn	507.252.105 đồng	Ngân sách nhà nước - Phòng chống dịch 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước qua mạng. Xét theo từng phần của gói thầu	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	20 ngày	Quý IV, năm 2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	24 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu (đồng)				**507.252.105 đồng** *(Bằng chữ: Năm trăm lẻ bảy triệu, hai trăm năm mươi hai ngàn, một trăm lẻ năm đồng)*									

Phụ lục II

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC, SỐ LƯỢNG CHI TIẾT VÀ GIÁ GÓI THẦU

(Kèm theo Quyết định số 919 /QĐ-PAS ngày 19 tháng 11 năm 2026 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	Tủ lạnh sâu (-30 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 3032 Model: MDF-U537D Hãng sản xuất: Sanyo	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
2	Tủ âm sâu (-86 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh Model: DW-HL398S Hãng sản xuất: Meiling	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
3	Tủ lạnh đông sâu nằm (-80 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 1206749H40029 Model: MDF-U54V-PE Thể tích: 519 lít Hãng sản xuất: PHC	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
4	Tủ âm sâu (-85 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 3655 Model: MDP-U73V Hãng sản xuất: Sanyo	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
5	Tủ (-30 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		MSKK: 8164 Model: MDF U443 Thể tích: 426 lít Hãng sản xuất:Panasonic						
6	Tủ đông sâu (-86 độ C)	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 1166711H40060 1166711H40061 1166711H40062 Model: MDF-U500VX-PB Hãng sản xuất:Panasonic	Cái	3	PCD 2026	882.000	2.646.000	
7	Tủ mát 2-8 độ C	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 1216711H30041 1216711H30040 Model: MPR-S313-PK Hãng sản xuất: PHCbi Dải nhiệt độ: 2°C đến 8°C	Cái	2	PCD 2026	882.000	1.764.000	
8	Tủ lạnh 1 cửa	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì an toàn điện - Vệ sinh bộ phận giải nhiệt - Kiểm tra hệ thống làm lạnh MSKK: 8079 Model: REL2304D SN:294755198 Hãng sản xuất: Revco/Thermoscientific Tủ lạnh 1 cửa nhỏ vừa	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
9	Máy ly tâm lạnh	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto MSKK: 3483 Model: Z216MK Thể tích 370 lít Hãng sản xuất: Hermle- Đức Máy ly tâm lạnh cỡ nhỏ để bàn	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
10	Máy ly tâm lạnh	Bảo trì hệ thống làm lạnh, roto MSKK: 3621 (3616/VK1+3621/V) Model: MPR-S313-PK Hãng sản xuất: HC Corporation Máy ly tâm lạnh 14000 vòng/phút	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
11	Tủ an toàn sinh học cấp II	Bảo trì & Bảo dưỡng -Kiểm tra hướng dòng khí -Đo tốc độ gió xuống -Đo tốc độ gió vào -Kiểm tra độ rò rỉ màng lọc -Đo cường độ ánh sáng làm việc -Đo độ rung, độ ồn -Đo cường độ ánh sáng UV dải C MSKK: 1196711L10025 Model: Biovanguard 4 Class II, Hãng sản xuất: Telstar biovanguard green line	Cái	1	PCD 2026	2.480.625	2.480.625	
12	Tủ ấm lạnh	Bảo trì dòng điện - Vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị - Kiểm tra điều kiện vận hành MSKK: 1216711H20018 Model: IPP110 Hãng sản xuất: Memmert	Cái	1	PCD 2026	694.575	694.575	
13	Tủ ấm thí nghiệm	Bảo trì dòng điện - Vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị - Kiểm tra điều kiện vận hành MSKK: 2700	Cái	1	PCD 2026	694.575	694.575	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		Model: B6 Hãng sản xuất: Heraeus						
14	Tủ ấm lắc	Bảo trì dòng điện - Vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị - Kiểm tra điều kiện vận hành MSKK: 3501 Model: JSR JSOF-153P Hãng sản xuất: Shingsang	Cái	1	PCD 2026	694.575	694.575	
15	Tủ ấm CO2	Bảo trì dòng điện - Vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị - Kiểm tra điều kiện vận hành MSKK: 3503 Model: MCO 15AC Hãng sản xuất: Sanyo	Cái	1	PCD 2026	1.653.750	1.653.750	
16	Kính hiển vi soi ngược phản pha	Bảo trì & Bảo dưỡng Kiểm tra trước hiệu chuẩn: kiểm tra tình trạng bên ngoài, nguồn điện và dây kết nối; vệ sinh thiết bị; kiểm tra hệ thống chiếu sáng; kiểm tra thị kính, vật kính, tụ quang, bàn đặt mẫu và cơ cấu điều chỉnh. Hiệu chuẩn/kiểm tra: Kiểm tra độ phóng đại. Kiểm tra độ phân giải và độ sắc nét hình ảnh. Kiểm tra độ đồng tâm của hệ thống quang học. Kiểm tra/hiệu chuẩn thang đo vi thể (nếu có). Kiểm tra hệ thống chiếu sáng và độ đồng đều ánh sáng. Kiểm tra tổng thể và đánh giá hiệu năng thiết bị. MSKK: 3662 Model: TS 100 Hãng sản xuất: Nikon	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
17	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Kiểm tra trước hiệu chuẩn: kiểm tra tình trạng bên ngoài, nguồn điện và dây kết nối; vệ sinh thiết bị; kiểm tra hệ thống chiếu sáng; kiểm tra thị kính, vật kính, tụ quang, bàn đặt mẫu và cơ cấu điều chỉnh. Hiệu chuẩn/kiểm tra: Kiểm tra độ phóng đại. Kiểm tra độ phân giải và độ sắc nét hình ảnh. Kiểm tra độ đồng tâm của hệ thống quang học. Kiểm tra/hiệu chuẩn thang đo vi thể (nếu có). Kiểm tra hệ thống chiếu sáng và độ đồng đều ánh sáng. Kiểm tra tổng thể và đánh giá hiệu năng thiết bị. MSKK: 3494 Model: AXR 31 Hãng sản xuất: Labo Microsystems	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
18	Kính hiển vi sinh học 2 mắt	Bảo trì & Bảo dưỡng Kiểm tra trước hiệu chuẩn: kiểm tra tình trạng bên ngoài, nguồn điện và dây kết nối; vệ sinh thiết bị; kiểm tra hệ thống chiếu sáng; kiểm tra thị kính, vật kính, tụ quang, bàn đặt mẫu và cơ cấu điều chỉnh. Hiệu chuẩn/kiểm tra: Kiểm tra độ phóng đại. Kiểm tra độ phân giải và độ sắc nét hình ảnh. Kiểm tra độ đồng tâm của hệ thống quang học. Kiểm tra/hiệu chuẩn thang đo vi thể (nếu có). Kiểm tra hệ thống chiếu sáng và độ đồng đều ánh sáng. Kiểm tra tổng thể và đánh giá hiệu năng thiết bị. MSKK: 3429 AXR 31 Hãng sản xuất: Labo Microsystems	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
19	Nồi hấp	Bảo trì & Bảo dưỡng - Bảo trì dòng điện - Vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị - Kiểm tra điều kiện vận hành MSKK: 8152 Model: HVE-50 Hãng sản xuất: Hirayama - Nhật Bản	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
20	Máy đo độ đục (OD)	Hiệu chuẩn trên các dung dịch độ đục chuẩn MSKK: 4530 Model: Den-1B Hãng sản xuất: Grant Instrument	Cái	1	PCD 2026	1.653.750	1.653.750	
21	Máy PCR khuếch đại gen	- Hiệu chuẩn: + Hiệu chuẩn ROI + Hiệu chuẩn nền + Hiệu chuẩn hệ thống quang học + Hiệu chuẩn chất nhuộm huỳnh quang: (FAM/SYBR Green I, VIC/JOE, NED/TAMRA/Cy3, ROX/Texas Red, Cy5) + Hiệu chuẩn hiệu năng tổng của thiết bị - Hiệu chuẩn nhiệt độ. (-Hiệu chuẩn nhiệt: 1 lần/năm -Hiệu chuẩn quang các kênh màu: 6 tháng/lần) MSKK: 1256711P50021 Model: ProFlex™ 3x32-Well PCR System S/N:2978024080099 và ProFlex™ 3x32 -Well Sample Block, S/N:2978215993HSX: Life Technologies Holdings Pte. Ltd/ Singapore	Cái	1	PCD 2026	16.800.000	16.800.000	
22	Máy PCR khuếch đại gen	Bảo trì & Bảo dưỡng - Kiểm tra trước hiệu chuẩn: kiểm tra điều kiện vận hành, kiểm tra các dây kết nối, vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị, kiểm tra đèn, kiểm tra buồng gia nhiệt và nắp đậy, chạy chương trình chẩn đoán thiết bị. MSKK: 1256711P50021 Model: ProFlex™ 3x32-Well PCR System S/N:2978024080099 và ProFlex™ 3x32 -Well Sample Block, S/N:2978215993HSX: Life Technologies Holdings Pte. Ltd/ Singapore	Cái	1	PCD 2026	16.800.000	16.800.000	
23	Máy điện di DNA	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di MSKK: 1196711P70027 Model: Mupid-exu Hãng sản xuất: Advance	Cái	1	PCD 2026	2.756.250	2.756.250	
24	Máy điện di ngang	- Bảo trì an toàn điện - Kiểm tra dòng điện hoạt động điện di MSKK: 1216711P70015	Cái	1	PCD 2026	2.756.250	2.756.250	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		Model: MSCHOICE15 multiSUB Choice+NanoPac500 Hãng sản xuất:Clever Scientific						
25	Máy Realtime PCR	Bảo trì & Bảo dưỡng - Kiểm tra trước hiệu chuẩn: kiểm tra điều kiện vận hành, kiểm tra các dây kết nối, vệ sinh bên trong và bên ngoài thiết bị, kiểm tra đèn, kiểm tra buồng gia nhiệt và nắp đậy, chạy chương trình chẩn đoán thiết bị. MSKK: 8075-VRĐR Model: 7500 Fast 96 giếng, 5 kênh màu	Cái	1	PCD 2026	16.800.000	16.800.000	
26	Máy Realtime PCR	- Hiệu chuẩn: + Hiệu chuẩn ROI + Hiệu chuẩn nền + Hiệu chuẩn hệ thống quang học + Hiệu chuẩn chất nhuộm huỳnh quang: (FAM/SYBR Green I, VIC/JOE, NED/TAMRA/Cy3, ROX/Texas Red, Cy5) + Hiệu chuẩn hiệu năng tổng của thiết bị - Hiệu chuẩn nhiệt độ. (-Hiệu chuẩn nhiệt: 1 lần/năm) -Hiệu chuẩn quang các kênh màu: 6 tháng/lần) MSKK: 8075-VRĐR Model: 7500 Fast 96 giếng, 5 kênh màu	Cái	1	PCD 2026	16.800.000	16.800.000	
27	Máy PCR	- Bảo trì: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt + Vệ sinh nắp, giếng để mẫu trên block nhiệt MSKK: 3593-VRDR Model: 6325 96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105oC Hãng sản xuất:Eppendorf ProS	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
28	Máy PCR	- Hiệu chuẩn: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4ºC, 55ºC, 65ºC, 72ºC, 95ºC MSKK: 3593-VRDR Model: 6325 96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105oC Hãng sản xuất:Eppendorf ProS	Cái	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
29	Máy PCR	- Hiệu chuẩn: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4ºC, 55ºC, 65ºC, 72ºC, 95ºC MSKK: 8116-VRDR Model: 6345 96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105°C Hãng sản xuất :Master cycler Nexus GSX1	Cái	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
30	Máy PCR	- Bảo trì: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt + Vệ sinh nắp, giếng để mẫu trên block nhiệt MSKK: 8116-VRDR Model: 6345 96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105°C Hãng sản xuất :Master cycler Nexus GSX1	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	
31	Máy PCR	- Hiệu chuẩn: Độ chính xác nhiệt độ tại các điểm nhiệt đặc trưng hoạt động 4ºC, 55ºC, 65ºC, 72ºC, 95ºC MSKK: 3538-VRDR Model: 5333 96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105oC Hãng sản xuất:Master cycler eppendorf	Cái	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
32	Máy PCR	- Bảo trì: + Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. + Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test + Kiểm tra hiển thị của màn hình + Kiểm tra quạt + Vệ sinh nắp, giếng để mẫu trên block nhiệt MSKK: 3538-VRDR Model: 5333	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		96 giếng, khoảng nhiệt độ 4÷105oC Hãng sản xuất:Master cycler eppendorf						
33	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 3638-VRDR Model: MDF-436 - Tủ loại nằm, 3 ngăn - Thể tích: 426 lít - Thang nhiệt độ: -20oC ÷ -35oC Hãng sản xuất :SANYO	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
34	Tủ âm 30 độ C	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 4578-VRDR Model: LDF 370W - Tủ loại nằm, 4 ngăn - Thể tích: 426 lít - Thang nhiệt độ: -20oC ÷ -35oC Hãng sản xuất:EVERmed	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
35	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 8141-VRDR Model: UPUL540 - Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 450 lít - Thang nhiệt độ: -20oC ÷ -40oC Hãng sản xuất: ARCTICO	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
36	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 3376-VRDR Model: MDF-U74V - Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 519 lít - Thang nhiệt độ: -50oC đến -86oC Hãng sản xuất: SANYO	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
37	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 1177019H40027 Model: U5386 - Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 728 lít - Thang nhiệt độ: -50oC đến -86oC Hãng sản xuất: Panasonic	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
38	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 3653-VRDR Model: MDF-U73 - Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 519 lít - Thang nhiệt độ: -50oC đến -86oC Hãng sản xuất : SANYO	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
39	Tủ đông sâu	- Bảo trì hệ thống làm lạnh MSKK: 8195- VRĐR Model: 5907 - Tủ loại đứng, 4 ngăn - Thể tích: 519 lít - Thang nhiệt độ: -50oC đến -86oC Hãng sản xuất :Thermo	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
40	Kính hiển vi	Vệ sinh, cân chỉnh hệ thống quang học MSKK: 624-VRDR Model: CK2	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		Độ phóng đại: 10x, 20x, 40x Hãng sản xuất:Olympus						
41	Kính hiển vi	Vệ sinh, cân chỉnh hệ thống quang học MSKK: 3259-VRDR Model: TMS Độ phóng đại: 10x, 20x, 40x Hãng sản xuất: Nikon	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
42	Hệ thống đọc điện di	Bảo trì & Bảo dưỡng - Kiểm tra, vệ sinh, cân chỉnh hệ thống camera và quang học gồm: đèn chiếu sáng, đèn UV. - Kiểm tra các kết nối hệ thống với máy. - Kiểm tra phần mềm, cân chỉnh thông số kỹ thuật. MSKK: 4056- VRĐR Model: Quantum ST4 Hệ thống camera và quang học gồm: đèn chiếu sáng, đèn UV Hãng sản xuất: Vilber Lourmat	Cái	1	PCD 2026	3.858.750	3.858.750	
43	Máy real-time PCR (Eppendorf)	1. Hiệu chuẩn nhiệt: Kiểm tra độ chính xác và độ đồng đều nhiệt độ của block nhiệt. 2. Hiệu chuẩn hệ thống quang học: Hiệu chuẩn các màu FAM, HEX, ROX và Texas Red (4 optical channels: 520, 550, 580 and 605 nm). 3. Hiệu chuẩn màu nền: Kiểm tra/hiệu chuẩn tín hiệu huỳnh quang nền của các giếng MSKK: 3586/SHPT Model: Realplex 4 epGradient	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	
44	Máy real-time PCR Light Cycler 480 (Roche)	1. Hiệu chuẩn nhiệt độ thermal block: độ chính xác và độ đồng đều nhiệt độ. 2. Hiệu chuẩn hệ thống quang học (Optical calibration): LightCycler Cyan 500 – excitation 440 nm / detection 488 nm FAM / SYBR Green I – excitation 465 nm / detection 510 nm LightCycler Red 610 / HEX / VIC – excitation 533 nm / detection 580–610 nm LightCycler Red 640 – excitation 498 nm / detection 640 nm Cy5 / Cy5.5 – excitation 618 nm / detection 660 nm 3. Hiệu chuẩn màu nền.	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		4. Hiệu chuẩn bù màu (Color Compensation): hiệu chuẩn sự chồng lấn tín hiệu giữa các fluorophore trong phản ứng multiplex. MSKK: 4161/HIV-AIDS Model: 05015278001 (Cat. Number)						
45	Máy đọc ELISA	Hiệu chuẩn tại bước sóng 405nm, 620nm MSKK: 8194 Model: EPOCH2C Hãng sản xuất: BioTek	Cái	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
46	Máy PCR	Hiệu chuẩn block nhiệt ở 50° C, 60° C, 95° C. MSKK: 8193 Model: ProFlex PCR System Hãng sản xuất: ABI	Cái	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
47	Cân kỹ thuật	0.5 – 100g MSKK: 4058 Model: PA2102 Hãng sản xuất: Ohaus	Cái	1	PCD 2026	441.000	441.000	
48	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: CX21; 3144012664 Model: CX21 và Primo Star Vật kính 40X, 10X, 40X, 100X Hãng sản xuất: Olympus và Carl Zeiss	Cái	2	PCD 2026	1.575.000	3.150.000	
49	Máy realtime PCR	Hiệu chuẩn tín hiệu nền và tín hiệu 18 kênh màu (Dye) MSKK: 1256811P40020 Model: QuantStudio 7 Pro Hãng sản xuất: ABI	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
50	Máy realtime PCR	Bảo trì & Bảo dưỡng Vệ sinh block nhiệt Kiểm tra nhiệt độ nắp nhiệt tại 105º C Kiểm tra nhiệt độ block gia nhiệt tại 50º C, 55º C, 60º C, 95º C MSKK: 1256811P40020 Model: QuantStudio 7 Pro Hãng sản xuất: ABI	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	
51	Tủ ấm CO2	Hiệu chuẩn/kiểm tra cảm biến và độ chính xác nồng độ CO2 tại điểm 5% CO2 Model: MCO-170AICUVDL-PE (Seri: 20070126) MCO-170AICUVDL-PE Seri: 20070127 MCO-170AICUVDL-PE Seri:20070128 MCO-170AICUVDL-PE Seri:20070129	Cái	4	PCD 2026	1.653.750	6.615.000	
52	Hệ thống 48 chuồng nuôi chuột cách ly	Hiệu chuẩn áp suất âm tại mức -110 Pa Model: ISO48NFEEU Hãng sản xuất: ISOCAGE N	Cái	1	PCD 2026	5.292.000	5.292.000	
53	Đồng hồ đo áp	Hiệu chuẩn áp suất tại -30 Pa. Model: W26AGSW Hãng sản xuất: NIKA	Cái	24	PCD 2026	661.500	15.876.000	
54	Hệ thống xử lý nước thải	Hiệu chuẩn nhiệt độ tại 121°C. Model: WTS-0421 Customized design	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
55	Hệ thống lọc RO	Bảo trì hệ thống lọc Model: RO500 Hãng sản xuất: NIKA RO500 - 500l/h Áp suất: -0.5 -15bar	Cái	1	PCD 2026	7.166.250	7.166.250	
56	Đo ánh sáng (light)	Hiệu chuẩn: 11 điểm đo bao gồm 9 điểm khu vực phòng xét nghiệm, 01 khu vực hành lang, 01 khu vực phòng điều khiển.	Cái	11	PCD 2026	525.000	5.775.000	
57	Cường độ UV (UV intensity)	Hiệu chuẩn /đo cường độ bức xạ UV của từng đèn, tổng cộng 10 đèn.	Cây	10	PCD 2026	525.000	5.250.000	
58	Nhiệt độ (temperature)	Hiệu chuẩn nhiệt độ tại 02 khu vực phòng BSL3 và ABSL3	Cái	2	PCD 2026	840.000	1.680.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
59	Độ ẩm (humidity)	Hiệu chuẩn độ ẩm tại 02 khu vực phòng BSL3 và ABSL3	Cái	2	PCD 2026	840.000	1.680.000	
60	Độ ồn (noise level)	Hiệu chuẩn độ ồn tại 3 khu vực gồm: phòng BSL3 và ABSL3, khu vực phòng điều khiển	Cái	3	PCD 2026	840.000	2.520.000	
61	Lưu lượng gió (air flow)	Hiệu chuẩn tại 26 vị trí	Cái	26	PCD 2026	525.000	13.650.000	
62	Số lần trao đổi khí (air change rate)	Hiệu chuẩn tại 07 vị trí	Cái	7	PCD 2026	525.000	3.675.000	
63	Độ kín của Phòng xét nghiệm (air tightnes in laboratory)	Hiệu chuẩn tại 07 vị trí	Cái	7	PCD 2026	525.000	3.675.000	
64	Hiệu suất lọc của màng lọc HEPA (HEPA filters collection rate efficiency)	Hiệu chuẩn 26 màng lọc	Cái	26	PCD 2026	882.000	22.932.000	
65	Áp suất PXN (pressure in laboratory)	Hiệu chuẩn áp suất tại vị trí trong phòng xét nghiệm gồm khu vực BSL3 (03 vị trí), Khu vực ABSl3 (04 vị trí)	Cái	7	PCD 2026	385.875	2.701.125	
66	Đồng hồ áp suất (manometer)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	24	PCD 2026	551.250	13.230.000	
67	Bình chịu áp lực (1000lit)	Kiểm định an toàn chịu áp lực Model: WTS-0421	Cái	1	PCD 2026	1.653.750	1.653.750	
68	Bình chịu áp lực (250lit)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	2	PCD 2026	1.102.500	2.205.000	
69	Van an toàn ruột (250lit)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	2	PCD 2026	1.102.500	2.205.000	
70	Đồng hồ hiển thị áp suất cơ ruột (tank)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	6	PCD 2026	551.250	3.307.500	
71	Bình chịu áp lực (Bình tạo hơi)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	2	PCD 2026	1.653.750	3.307.500	
72	Van an toàn bình tạo hơi (tank)	Kiểm định an toàn chịu áp lực	Cái	2	PCD 2026	551.250	1.102.500	
73	Lò hấp 2 cửa	Kiểm định an toàn chịu áp lực Model: FLD-M09WP3TMZ Hãng sản xuất: SAKURA	Cái	1	PCD 2026	2.756.250	2.756.250	
74	Lò hấp nhỏ	Kiểm định an toàn chịu áp lực Model: SX-700E, SX-700BH Hãng sản xuất: TOMY	Cái	3	PCD 2026	2.756.250	8.268.750	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
75	Máy đo pH	Hiệu chuẩn tại giá trị pH 4,5-8,1 MSKK: 1166911G20081 Model: X33486 Đo PH môi trường Hãng sản xuất: Thermo Fisher Scientific	Cái	1	PCD 2026	882.000	882.000	
76	Kính hiển vi nền đen	Bảo trì, bảo dưỡng kính hiển vi nền đen phục vụ soi Leptospira sống. MSKK: 1478-1VK Model: 020-505.030 Nền đen soi leptospira sống Hãng sản xuất: Leica	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
77	Hệ thống realtime PCR	Hiệu chuẩn tín hiệu nền và tín hiệu 4 kênh màu (Dye) MSKK: 1196511P40010 Model: QuantStudio 5 Các dải nhiệt độ và các kênh màu quang học Hãng sản xuất: Applied biosystems	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	
78	Hệ thống realtime PCR	Bảo trì & Bảo dưỡng Vệ sinh block nhiệt Kiểm tra nhiệt độ nắp nhiệt tại 105ºC Kiểm tra nhiệt độ block gia nhiệt tại 50ºC, 55ºC, 60ºC, 72ºC, 95ºC MSKK: 1196511P40010 Model: QuantStudio 5 Các dải nhiệt độ và các kênh màu quang học Hãng sản xuất: Applied Biosystems	Cái	1	PCD 2026	15.750.000	15.750.000	
79	Kính hiển vi	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 2444 Model: AXIOVERT 25 Hãng sản xuất: ZEISS 220v	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
80	Kính hiển vi	Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 3663 Model: Eclipse TS100 Hãng sản xuất:NIKON 220v	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
81	Máy luân nhiệt (Thermo Fisher Scientific)	Hiệu chuẩn nhiệt độ block gia nhiệt MSKK: 1226535P40003 1226535P40004 Hãng sản xuất: Thermo 220÷240v, 50Hz, 500w	Cái	2	PCD 2026	2.756.250	5.512.500	
82	Máy luân nhiệt (Thermo Fisher Scientific)	Bảo trì & Bảo dưỡng Vệ sinh block nhiệt Kiểm tra nhiệt độ nắp nhiệt tại 105ºC Kiểm tra nhiệt độ block gia nhiệt tại 50ºC, 55ºC, 60ºC, 72ºC, 95ºC MSKK: 1226535P40003 1226535P40005 Hãng sản xuất: Thermo 220÷240v, 50Hz, 500w	Cái	3	PCD 2026	4.961.250	14.883.750	
83	Cân kỹ thuật	Hiệu chuẩn tại: 0,2kg; 1kg; 2kg MSKK: 62547 Model: JPA Hãng sản xuất: JADEVER Phạm vi đo: 100g- 30kg Sai số: 0,001kg	Cái	1	PCD 2026	441.000	441.000	
84	Cân kỹ thuật	Hiệu chuẩn tại: 100g, 1000g, 3000g Model: GS-3202N Hãng sản xuất: Vibra Shinko Phạm vi đo: 0,5g - 3200g Sai số 0,01g	Cái	1	PCD 2026	441.000	441.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
85	Máy đo PH	Hiệu chuẩn tại giá trị pH4; pH11 Model: Mi 150 Hãng sản xuất: Milwaukee Phạm vi đo: pH từ 0-14	Máy	1	PCD 2026	882.000	882.000	
86	Bộ quả cân chuẩn F1	Hiệu chuẩn tại 6 điểm (100mg, 200mg, 500mg, 1g, 2g, 5g) Bộ quả cân chuẩn F1 Việt Nam 21 điểm	Bộ	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
87	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 1887-I-CT 2844 Hãng sản xuất: ANTI-MOULD	Cái	2	PCD 2026	1.575.000	3.150.000	
88	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 2460-DH Hãng sản xuất: LABORLUX	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
89	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 8147 Hãng sản xuất: MICROS	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
90	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 2244-CT Model: 020-435.036 Hãng sản xuất: ZEISS	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
91	Kính hiển vi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 2486 Model: C-DS Hãng sản xuất: NIKON	Cái	1	PCD 2026	1.575.000	1.575.000	
92	Kính soi nổi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất. Vệ sinh thấu kính, xử lý mốc, kiểm tra ánh sáng, cân chỉnh sau khi vệ sinh MSKK: 2933-CT Model: SMZ800 Hãng sản xuất: NIKON	Cái	4	PCD 2026	1.575.000	6.300.000	
93	Máy nghiền mẫu muỗi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất MSKK: 416/CT Model: Tissuelyer LT Hãng sản xuất: Qiagen	Máy	1	PCD 2026	900.000	900.000	
94	Máy nghiền mẫu muỗi	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất Model: mini- BeadBeater 96 Hãng sản xuất: BeasBeater	Máy	1	PCD 2026	1.653.750	1.653.750	
95	Máy làm lạnh mẫu	Bảo trì & Bảo dưỡng Thực hiện và điều chỉnh theo tính năng của hãng sản xuất Model: 2000 DH Hãng SX: BioQuip	Máy	1	PCD 2026	882.000	882.000	
96	Máy realtime PCR	- Hiệu chuẩn nhiệt độ - Đánh giá lại các công việc đã thực hiện với Viện - Đánh giá lại quy trình Bảo trì với Viện Model: DT PRIME 5M1 Hãng SX: DNA technology	Máy	1	PCD 2026	2.625.000	2.625.000	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
97	Máy realtime PCR	Theo dõi vấn đề bảo trì lần cuối và các vấn đề khi chạy máy nếu có - Kiểm tra điều kiện vận hành máy (nhiệt độ, độ ẩm, nguồn cấp áp) - Kiểm tra dữ liệu trên máy tính và backup nếu cần thiết - Vệ sinh bên ngoài thiết bị - Kiểm tra, ghi nhận số giờ đã sử dụng của đèn, thay thế (nếu cần thiết, vật tư do Viện cung cấp) - Kiểm tra màn hình, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra buồng gia nhiệt và nắp đậy, vệ sinh nếu cần thiết - Kiểm tra kính lọc màu. - Chạy chương trình chuẩn đoán thiết bị - Hiệu chuẩn thiết bị (Background, ROI, Optical, Dye) - Làm sạch block nhiệt tại các vị trí phát hiện bất thường khi quét nền Model: DT PRIME 5M1 Hãng SX: DNA technology	Máy	1	PCD 2026	13.230.000	13.230.000	
98	Máy PCR	Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối MSKK: 3680.CT Model: MyCycler Thermal Cycler Hãng sản xuất: Biorad	Máy	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	
99	Máy PCR	Bảo trì & Bảo dưỡng Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bẩn nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt MSKK: 3680.CT Model: MyCycler Thermal Cycler Hãng sản xuất: Biorad	Máy	1	PCD 2026	11.505.690	11.505.690	
100	Máy PCR	Hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt Hiệu chỉnh lại nếu Block nhiệt vượt quá sai số cho phép Chạy kiểm tra máy lần cuối Model: Biometra Tone 96G	Máy	1	PCD 2026	3.307.500	3.307.500	

TT	Danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn kinh phí	Đơn giá dự kiến (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú
		846-x-070-301 Hãng sản xuất: Biometra Tone						
101	Máy PCR	Bảo trì & Bảo dưỡng Vệ sinh toàn bộ bên ngoài thiết bị. Kiểm tra bàn phím bằng chương trình test Kiểm tra hiển thị của màn hình Kiểm tra quạt làm mát bằng chương trình service, làm sạch Vệ sinh bụi và bẩn nắp nhiệt Vệ sinh bụi và bẩn từng giếng để mẫu trên block nhiệt Model: Biometra Tone 96G 846-x-070-301 Hãng sản xuất: Biometra Tone	Máy	1	PCD 2026	11.505.690	11.505.690	
Tổng cộng							**507.252.105**	